

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS - ST  
Ngày 13 tháng 5 năm 2020  
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Doãn Thị Lê

2. Bà Lê Thị Thanh Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2019/TLST - DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về “***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 3 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 195/TB – TA ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST - DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961

Địa chỉ: 89/91 đường T, tổ 05, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt

***2. Bị đơn:*** Ông Đỗ Ánh P, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 4 (trước đây là tổ 15), phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, bản tự khai ngày 31/12/2019, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Ngày 17/12/2016 âm lịch tức là ngày 14/01/2017 dương lịch vợ chồng ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th có đến nhà bà vay số tiền 40.000.000 đồng, ông bà viết giấy mượn tiền trong đó cam kết đến tháng 02 sẽ trả cả gốc và lãi với lãi, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%. Sau đó ngày 29/12/2016 âm lịch tức là ngày 26/01/2017 dương lịch vợ chồng ông P, bà Th

vay tiếp của bà số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, ông bà cũng viết giấy mượn tiền và cam kết đến tháng 02 âm lịch trả cả gốc và lãi. Cả hai lần vay ông P và bà Th đều nêu lý do là cần tiền để lo việc gia đình nên bà mới chấp thuận cho vay. Khi đến hạn trả nợ, bà đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết nhưng ông bà không trả cả tiền gốc và lãi từ đó cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th trả cho bà số tiền nợ gốc đã vay là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, bà không yêu cầu tính lãi số tiền vay trên.

***Đối với các bị đơn ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th:***

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định khoảng hơn 02 năm, ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th không còn cư trú tại địa chỉ hẻm 147 đường T, tổ 04 (trước đây là tổ 15), phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai, hiện không xác định được địa điểm nơi ông P, bà Th chuyển đến sinh sống, làm việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và triệu tập đối với ông Đỗ Ánh P, bà Bùi Thị Th để ông bà trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện trên nhưng ông P, bà Th không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt các bị đơn.

***Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:***

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng không đảm bảo.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị T 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo hai văn bản được lập ngày 17/12/2016 âm lịch (là ngày 14/01/2017 dương lịch) và 29/12/2016 âm lịch (là ngày 26/01/2017 dương lịch), ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th cam kết đến tháng 02 âm lịch tức là cuối tháng 02 dương lịch đến đầu tháng 3 dương lịch sẽ trả cả gốc và lãi vay nhưng không thực hiện nên bà Nguyễn Thị T đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ hai văn bản được lập ngày 17/12/2016 âm lịch (là ngày 14/01/2017 dương lịch) và 29/12/2016 âm lịch (là ngày 26/01/2017 dương lịch) có nội dung xác lập giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Ánh P, bà Bùi Thị Th nên đây là

tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông P, bà Th cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông bà vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th.

[2] Trong nội dung văn bản đề ngày 17/12/2016 âm lịch và văn bản đề ngày 29/12/2016 âm lịch đều thể hiện việc vợ chồng ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th vay tiền của bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền vay là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, cụ thể ngày 17/12/2016 âm lịch (là ngày 14/01/2017 dương lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng và ngày 29/12/2016 âm lịch (là ngày 26/01/2017 dương lịch) vay số tiền 50.000.000 đồng. Bên dưới mục người vay của hai văn bản này đều có chữ ghi tên, chữ ký của ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th.

Hai văn bản ngày 17/12/2016 âm lịch và ngày 29/12/2016 âm lịch tuy không thể hiện đầy đủ nội dung của hợp đồng vay tài sản nhưng được lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, đối tượng giao kết hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên các văn bản này có hiệu lực pháp luật.

Trong các văn bản này, các bên thỏa thuận về khoản vay có lãi với lãi suất 3%/tháng đến 4%/tháng không phù hợp với quy định về mức lãi suất nhưng thực tế ông P và bà Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả lãi, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến vấn đề lãi cũng như lãi suất.

Mặt sau của văn bản đề ngày 29/12/2016 âm lịch có nội dung đề cập đến số tiền 15.000.000 đồng nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết đối với số tiền này mặc dù cũng liên quan đến ông P, bà Th (L) nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Như vậy có cơ sở xác định, ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị T nợ bà Nguyễn Thị T 90.000.000 đồng, ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị T 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th phải chịu án phí

$90.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.500.000$  (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng

Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: 3.300.000 (ba triệu ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị T là người yêu cầu nên phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ chi phí này theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000124 ngày 17/02/2020 và 0000886 ngày 13/01/2020.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 2 Điều 97, Điều 180, Điều 186, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th thanh toán tiền nợ 90.000.000 đồng.

Buộc ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị T 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Về án phí:**

Ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th phải chịu 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002248 ngày 27/12/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đỗ Ánh P và bà Bùi Thị Th vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký  
Võ Thị Thanh Thúy

